

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2024/QĐCNHGT-HNGĐ

H, ngày 16 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của người khởi kiện là chị Nguyễn Thị Thục L, người bị kiện là chị Vương Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Quốc S.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện “Tranh chấp về xác định mẹ cho con” đề ngày 25/6/2024 của người khởi kiện là chị Nguyễn Thị Thục L.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 28 tháng 6 năm 2024, về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Chị Nguyễn Thị Thục L, sinh năm 1990

Địa chỉ nơi thường trú: Thôn Nguyệt Viên 2, xã Hoằng Quang, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ nơi tạm trú: Thôn Thành Nam, xã Hoằng Lộc, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Người bị kiện: Chị Vương Thị V, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm Hải Trung, xã Diên Bích, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Quốc S, sinh năm 1986

Địa chỉ nơi thường trú: Thôn Nguyệt Viên 2, xã Hoằng Quang, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ nơi tạm trú: Thôn Thành Nam, xã Hoằng Lộc, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 6 năm 2024, cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị Thục L, chị Vương Thị V và anh Nguyễn Quốc S thống nhất:

Năm 2009, chị Nguyễn Thị Thục L và anh Nguyễn Quốc S có quan hệ với nhau như vợ chồng và chị L đã mang thai con chung với anh S. Ngày 10/02/2010 chị L sinh ra cháu Nguyễn Quốc B tại Bệnh viện 4 Quân đoàn 4. Do chị L muốn chị Vương Thị V (là bạn của chị L) làm mẹ đỡ đầu cho con đầu lòng nên chị L và anh S đã lấy tên chị Vương Thị V là tên của sản phụ (người sinh ra cháu B) để ghi tên giấy chứng sinh cũng như giấy khai sinh cho cháu Nguyễn Quốc B, họ tên bố vẫn là anh Nguyễn Quốc S. Nhưng thực tế từ khi sinh ra cho đến nay, cháu B vẫn ở với chị L.

Chị Nguyễn Thị Thục L và cháu Nguyễn Quốc B (Tên và ngày sinh theo Giấy trích lục khai sinh số 40/TLKS-BS, cấp tại UBND xã Hoàng Quang, huyện H (nay là TP Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 29/01/2018) đã tiến hành xét nghiệm AND để xác định quan hệ huyết thống mẹ con và tại Kết quả xét nghiệm AND số KQ 2006653 ngày 06/11/2020 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền- Gentis đã kết luận: chị Nguyễn Thị Thục L và cháu Nguyễn Quốc B có quan hệ huyết thống mẹ - con.

Trên cơ sở các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận chị Nguyễn Thị Thục L và cháu Nguyễn Quốc B có quan hệ huyết thống mẹ - con, công nhận chị Nguyễn Thị Thục L, sinh ngày 13/12/1990, số CCCD: 042190019127, nơi thường trú: Thôn Nguyệt Viên 2, xã Hoàng Quang, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa và cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 10/02/2010 (theo Giấy trích lục khai sinh số 40/TLKS-BS, cấp tại UBND xã Hoàng Quang, huyện H (nay là TP Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 29/01/2018) có quan hệ huyết thống: MẸ - CON.

Quyền và nghĩa vụ giữa mẹ đẻ là chị Nguyễn Thị Thục L đối với con đẻ là cháu Nguyễn Quốc B phát sinh kể từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Quốc S hoặc chị Nguyễn Thị Thục L có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cải chính hộ tịch cho cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 10/02/2010 (theo Giấy trích lục khai sinh số 40/TLKS-BS, cấp tại UBND xã Hoàng Quang, huyện H (nay là TP Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 29/01/2018) theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

Về lệ phí: Căn cứ Điều 6 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 58/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc hội, đương sự không phải chịu lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên DS;
- VKSND h. H;
- Chi cục THADS h. H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hoằng Quang, TP Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-OD:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân cấp tỉnh của tỉnh đó nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện (ví dụ: Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng thì ghi “TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG”; Ghi “TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO” nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp tỉnh.
- (2) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định;
- (3) Ghi loại tranh chấp, VD: HNGĐ, DS, KDTM.....
- (4) Ghi họ tên của Thẩm phán ký quyết định.
- (5) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.
- (7) (8) Ghi đầy đủ tên, năm sinh, nơi cư trú của các bên đương sự.
- (9) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (10) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các bên về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ việc đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành tại Tòa án.